

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **33/2021/HSST**

Ngày: **23/3/2021**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Hưng

2. Ông Bùi Thanh Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Trang - là thư ký Tòa án nhân dân quận C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai tại trụ sở vụ án hình sự thụ lý số: 113/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HS ngày 3/3/2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh T (T1); sinh năm: 1987; nơi sinh: Bình Dương;

Nơi cư trú: 72 Đường N8, Khu Phố 1, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương;

Nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T (sống và bà Huỳnh Thị S (sống); vợ: Lê Ngọc Hải Y; có 01 con sinh năm: 2014.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 02 lần:

Lần 1: Ngày 21/4/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/9/2015.

Lần 2: Ngày 28/9/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/10/2019.

Về nhân thân:

Ngày **13/01/2009**, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 24 tháng tù về tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/02/2010, chấp hành xong phần án phí và tiền sung công quỹ Nhà nước ngày 02/4/2009.

Ngày **01/9/2020**, bị Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xử phạt **03** năm **06** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số **54/2020/HS-ST**.

Ngày **23/9/2020**, bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xử phạt **02** năm **06** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số **40/2020/HS-ST**.

Bị cáo đang thi hành án phạt tù của Bản án khác tại Trại giam Công an tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn D; sinh năm: 1983; nơi sinh: Hậu Giang;

Nơi cư trú: Ấp 9, xã VT, huyện V, tỉnh Hậu Giang;

Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn M (sống) và bà Nguyễn Thị M (sống); vợ, con: không có;

Tiền sự, tiền án: Không.

Về nhân thân:

Ngày 15/8/2018, bị Ủy ban nhân dân xã VT, huyện V, tỉnh Hậu Giang ra Quyết định số 403/QĐ-UBND áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; thời hạn 03 tháng, đã chấp hành xong.

Ngày **01/9/2020**, bị Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xử phạt **02** năm **06** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số **54/2020/HS-ST**.

Bị cáo đang thi hành án phạt tù của Bản án khác tại Trại giam Công an tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Tú A (T); sinh năm: 1985; nơi sinh: Hậu Giang;

Nơi cư trú: Ấp 9, xã VT, huyện V, tỉnh Hậu Giang;

Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn D (sống); và bà Nguyễn Thị Hồng Nh (sống); vợ: Nguyễn Thị Phương T; có 02 con: Lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2010;

Tiền sự, tiền án: Không.

Về nhân thân:

Ngày 13/9/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/3/2013. Ngày 10/7/2018 được Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang ra Quyết định xét miễn nghĩa vụ thi hành án đối với khoản nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1/ Anh **Phạm Thế L**; sinh năm: 1981. HKTT: 20B/3 Khu vực 2, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ liên lạc: 575 đường M, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. *Có mặt.*

2/ Anh **Lê Đặng Hồng K**; sinh năm: 1988. Địa chỉ: 579A Tổ 13, Khu vực 2, phường HP, quận C, thành phố Cần Thơ. *Có mặt.*

3/ Anh **Trang Hữu N**; sinh năm: 1989. Địa chỉ: 38 đường N, Khu dân cư 1B, Khu vực 6, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. *Vắng mặt.*

4/ Anh **Huỳnh Hữu T**; sinh năm: 1995. Địa chỉ: 72 ấp M, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang. *Có mặt.*

Người có quyền lợi, N vụ liên quan:

Anh **Trang Hữu T**; sinh năm: 1991. Địa chỉ: 51/BT Tổ 2, Khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân quận C truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong thời gian từ ngày **20/01/2020** đến ngày **19/02/2020**, Nguyễn Thanh T, Trần Văn D, Trần Tú A đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn quận C, thành phố Cần Thơ. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào ngày **20/01/2020**, **Nguyễn Thanh T** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ, đen, bạc mang biển kiểm soát 67K1 - 216.15, chở theo phía sau **Tý Em** (chưa rõ nhân thân) đi từ Ấp 9, xã VT, huyện V, tỉnh Hậu Giang lưu thông trên tuyến Quốc lộ 61C về hướng thành phố Cần Thơ để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến đoạn đường Võ Nguyên Giáp thuộc khu vực Thạnh Lợi, phường Phú Thứ, quận C, T phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh, bạc, đen biển kiểm soát **65D1-310.32** của ông **Trang Hữu N** đậu phía trước sân khách sạn Nam Cần Thơ không có người trông coi nên dừng xe cặp lề đường, Tý Em ngồi trên xe cảnh giới, còn T đi bộ đến chiếc xe mô tô Exciter và dùng tay nối các dây điện của xe để nổ máy xe, rồi điều khiển xe về hướng cầu Cần Thơ qua tỉnh Vĩnh Long. Lúc này, Tý Em cũng điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius chạy theo T. Sau đó, cả hai điều khiển hai xe mô tô đến thành phố Hồ Chí Minh để tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến địa bàn huyện Bến Lức, tỉnh Long An thì T dừng xe, gọi điện thoại cho người tên Hai (chưa rõ nhân thân) để bán xe vừa trộm được và hẹn gặp tại cầu Đức Hòa thuộc tỉnh Long An để giao xe, nhận tiền. T bán chiếc xe trộm được **6.000.000đ**, chia cho Tý Em **2.500.000đ**, còn **3.500.000đ** tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Ngày **08/02/2020**, **Nguyễn Thanh T** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen bạc, mang biển kiểm soát 67K1 - 216.15, chở theo phía sau **Trần Văn D** đi từ Ấp 9, xã VT, huyện V, tỉnh Hậu Giang lưu thông trên tuyến Quốc lộ 61C về hướng thành phố Cần Thơ để tìm tài sản lấy trộm. Đến đoạn đường dẫn cầu Cần Thơ gần Bến xe Trung T thành phố Cần Thơ thì T rẽ phải vào

khu dân cư Hồng Loan thuộc Khu vực 2, phường Hưng Thạnh, quận C. Khi đi đến đoạn trước quán Cà phê Lộc Nhi, đường D3 khu dân cư Hồng Loan thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh bạc, mang biển kiểm soát **65B1 - 623.57** của ông **Phạm Thế L** đậu trước quán không có người trông coi nên T dừng xe lại, đi bộ đến chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter, còn D thì ngồi trên xe để canh giới, T dùng tay nối các dây điện của xe để nổ máy xe, rồi điều khiển xe về hướng cầu Cần Thơ qua tỉnh Vĩnh Long. Lúc này, D cũng điều khiển xe nhãn hiệu Sirius chạy theo phía sau T. Khi điều khiển xe qua cầu Cần Thơ, D điều khiển xe quay trở về nhà tại Ấp 9, xã VT, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Còn T điều khiển xe trộm được đến địa bàn tỉnh Long An, bán cho người tên Hai được **7.500.000đ**, rồi chia cho D **2.500.000đ**, còn lại **5.000.000đ** tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Ngày **17/02/2020**, **Nguyễn Thanh T** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen bạc, mang biển kiểm soát 67K1 - 216.15, chở theo phía sau **Tý Em** (chưa rõ nhân thân) đi từ Ấp 9, xã VT, huyện V, tỉnh Hậu Giang lưu thông trên tuyến Quốc lộ 61C về hướng thành phố Cần Thơ để tìm tài sản lấy trộm. Khi đi trên đoạn đường dẫn cầu Cần Thơ, T điều khiển xe rẽ vào khu dân cư Trung tâm Văn Hóa Tây Đô thuộc, Khu vực 4, phường Hưng Thạnh, quận C. Khi đi đến đoạn đường Số 7, T phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen, mang biển kiểm soát **95E1 - 663.66** của ông **Huỳnh Hữu T** đậu phía trước nhà số F46 không có người trông coi nên T dừng xe lại, rồi đi bộ đến chiếc xe mô tô, còn Tý Em thì ngồi trên xe để canh giới, T dùng tay nối các dây điện của xe để nổ máy, rồi điều khiển xe về hướng cầu Cần Thơ qua tỉnh Vĩnh Long và chạy thẳng lên thành phố Hồ Chí Minh để tiêu thụ xe. T bán chiếc xe trộm cắp được cho người tên Hai được số tiền **8.500.000đ**, chia cho Tý Em **3.000.000đ**, còn lại **5.500.000đ** tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ tư: Ngày **19/02/2020**, **Nguyễn Thanh T** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen bạc, mang biển kiểm soát 67K1 - 216.15, chở theo phía sau **Trần Tú A** đi từ Ấp 9, xã VT, huyện V, tỉnh Hậu Giang lưu thông trên tuyến Quốc lộ 61C về hướng thành phố Cần Thơ để tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi trên đoạn đường dẫn cầu Cần Thơ gần Bến xe Trung tâm thành phố Cần Thơ, T điều khiển xe rẽ vào Khu dân cư Hồng Loan thuộc Khu vực 5, phường Hưng Thạnh, quận C, đến đoạn trước nhà Số 01, đường D4 Khu dân cư Hồng Loan, T phát hiện một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wavealp màu xanh đen bạc, mang biển kiểm soát **65B2 - 269.82** của ông **Lê Đặng Hồng K** đang đậu không có người trông coi nên T dừng xe lại, rồi đi bộ đến chiếc xe mô tô, còn Tú A thì ngồi trên xe để canh đường, T dùng tay nối các dây điện của xe để nổ máy xe, rồi điều khiển xe về hướng cầu Cần Thơ qua tỉnh Vĩnh Long. Lúc này, Tú A cũng điều khiển xe nhãn hiệu Sirius chạy theo phía sau T. Khi điều khiển xe qua cầu Cần Thơ thì Tú A điều khiển xe quay trở về nhà tại Ấp 9, xã VT, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Còn T điều khiển xe trộm cắp được đến địa bàn tỉnh Long An, bán cho người tên Hai được **6.000.000đ**, chia cho Tú A **2.000.000đ**, còn lại **4.000.000đ** tiêu xài cá nhân hết.

Đối với đối tượng tên Tý Em và người thanh niên tên Hai chưa xác định được nhân thân cụ thể nên không làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, có căn cứ sẽ xử lý sau.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thanh T, Trần Văn D và Trần Tú A đã thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại Kết luận định giá tài sản số 16/TCKH-HĐĐG ngày 23/4/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu **Yamaha Exciter 150**, biển kiểm soát **65D1-310.32** màu xanh bạc đen; số khung 0610HY730339; số máy G3D4E450446 có giá trị là **28.500.000đ**.

Tại Kết luận định giá tài sản số 17/TCKH-HĐĐG ngày 23/4/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu **Yamaha Exciter 150**, biển kiểm soát **65B1-623.57** màu xanh bạc; số khung 0610FY061340; số máy G3D4E068891 có giá trị là **25.000.000đ**.

Tại Kết luận định giá tài sản số 18/TCKH-HĐĐG ngày 23/4/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu **Yamaha Exciter 150**, biển kiểm soát **95E1-663.66** màu đen; số khung 1010KY144194; số máy G3D4E910631 có giá trị là **37.000.000đ**.

Tại Kết luận định giá tài sản số 19/TCKH-HĐĐG ngày 23/4/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu **Honda Wavealp**, biển kiểm soát **65B2-269.82** màu xanh đen bạc; số khung 3918KY027689; số máy JA39E0883709 có giá trị là **14.800.000đ**.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại là ông Phạm Thế L, Lê Đăng Hồng K, Trang Hữu N, Huỳnh Hữu T yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị tài sản mà các bị can đã chiếm đoạt, các bị cáo chưa bồi thường.

Tại Cáo trạng số: 105/CT-VKS-CR ngày 27/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ đã truy tố Nguyễn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố Trần Văn D, Trần Tú A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu kết luận vụ án:

- Vẫn giữ quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản luật đã viện dẫn.

+ **Đối với bị cáo T:** với vai trò khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Phạm Thế L trị giá **25.000.000đ** cùng với Trần Văn D vào ngày 08/02/2020; trộm cắp tài sản của Lê Đăng Hồng K trị giá **14.800.000đ** cùng với Trần Tú A vào ngày 19/02/2020 và cùng với Tý Em trộm cắp tài sản của Trang Hữu N, Huỳnh Hữu T trị giá **65.500.000đ** vào ngày 20/01/2020 và ngày 17/02/2020; tổng giá trị bị cáo T chiếm đoạt là **105.300.000đ**; bị cáo có 02 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; trong vụ án này, bị cáo thực hiện 04 vụ trộm cắp,

thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên; bị cáo cũng là người hưởng lợi nhiều hơn đối với tài sản trộm được; tuy nhiên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ **04 năm đến 04 năm 06 tháng** tù.

+ **Đối với bị cáo D:** là người canh đường cho bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Phạm Thế L trị giá **25.000.000đ**. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo D từ **01 năm 06 tháng đến 02 năm** tù và tổng hợp hình phạt với Bản án số 54/HSST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

+ **Đối với bị cáo Tú A:** là người canh đường cho bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Lê Đăng Hồng K trị giá **14.800.000đ**. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tú A từ **01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng** tù.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho các bị hại giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt, cụ thể:

- Bị cáo T và bị cáo D liên đới bồi thường cho anh **Phạm Thế L** số tiền: **25.000.000đ**;

- Bị cáo T và bị cáo Tú A liên đới bồi thường cho anh **Lê Đăng Hồng K** số tiền: **14.800.000đ**;

- Bị cáo T bồi thường cho **Trang Hữu N: 28.500.000đ**; bồi thường cho **Huỳnh Hữu T: 37.000.000đ**.

Về vật chứng:

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen, biển số 67K1- 216.15 là phương tiện bị cáo T cùng đồng bọn đã sử dụng để đi trộm cắp tài sản; hiện Cơ quan Cảnh sát Công an huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã thu giữ, sẽ được xem xét xử lý trong vụ án khác.

- 01 đĩa DVD ghi lại hình ảnh hiện trường, đề nghị tiếp tục lưu hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã nêu. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo, lời khai của những bị hại tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, xét thấy có đủ cơ sở để kết luận:

Hành vi bị cáo Nguyễn Thanh T lén lút lấy trộm tài sản của Phạm Thế L trị giá **25.000.000đ** cùng với Trần Văn D vào ngày 08/02/2020; trộm cắp tài sản của Lê Đặng Hồng K trị giá **14.800.000đ** cùng với Trần Tú A vào ngày 19/02/2020 và cùng với Tý Em trộm cắp tài sản của Trang Hữu N, Huỳnh Hữu T trị giá **65.500.000đ** vào ngày 20/01/2020 và ngày 17/02/2020 trên địa bàn quận C, thành phố Cần Thơ; tổng giá trị bị cáo T chiếm đoạt là **105.300.000đ**; bị cáo T có 02 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, Nguyễn Thanh T bị Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Trần Văn D, Trần Tú A bị Viện kiểm sát nhân dân quận C truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là chính xác.

[3] Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời gây mất trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

[4] Xét thấy, các bị cáo đã trưởng thành, đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Các bị cáo biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do lười biếng lao động lại muốn có tiền tiêu xài nên vẫn thực hiện hành vi phạm tội, cho thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần phải có hình phạt nghiêm khắc, bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù để giáo dục, cải tạo cho các bị cáo biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy khi lượng hình cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo như sau:

Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, các bị cáo là đồng phạm; tuy nhiên, đây chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo không sự phân công vai trò cũng như không có bàn bạc trước kế hoạch thực hiện tội phạm.

Đối với bị cáo T là người khởi xướng, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; bản thân đã chấp hành nhiều bản án, có thời gian dài chấp hành hình phạt tù, sau khi chấp hành xong hình phạt tù vẫn không chí thú làm ăn; liên tục thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản. Trong vụ án này, bị cáo đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần phải có một mức án nghiêm khắc hơn đối với bị cáo T để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với bị cáo D và bị cáo Tú A: là người đứng canh đường; về nhân thân bị cáo D là người nghiện ma túy và nghiện game; bị cáo Tú A đã có thời gian chấp hành hình phạt tù về tội trộm cắp tài sản nhưng sau thời gian chấp hành hình phạt tù vẫn không sửa đổi. Do đó, cần phải có hình phạt tương xứng với vai trò và tính chất, mức độ nguy hiểm của các bị cáo khi lượng hình.

[6] Đối với Tỷ Em và người tên Hai, đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

[7] Ngoài ra, tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận còn trộm các vụ khác trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, cụ thể: bị cáo T khai thực hiện hơn mười vụ trộm cùng với D và Tú A; bị cáo D khai trộm cùng với T 10 vụ; bị cáo Tú A khai trộm cùng với T 02 vụ. Do đó, đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý theo thẩm quyền.

[8] **Về trách nhiệm dân sự:** bị hại là anh L, anh K; anh N và anh T yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị tài sản đã chiếm đoạt là phù hợp nên chấp nhận, cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho các bị hại, cụ thể:

- Bị cáo T và bị cáo D liên đới bồi thường cho anh **Phạm Thế L** số tiền: **25.000.000đ**;

- Bị cáo T và bị cáo Tú A liên đới bồi thường cho anh **Lê Đặng Hồng K** số tiền: **14.800.000đ**;

- Bị cáo T bồi thường cho **Trang Hữu N: 28.500.000đ**; bồi thường cho **Huỳnh Hữu T: 37.000.000đ**.

[9] **Về vật chứng:**

- Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen, biển số 67K1- 216.15 là phương tiện bị cáo T cùng đồng bọn đã sử dụng để đi trộm cắp tài sản; hiện Cơ quan Cảnh sát Công an huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã thu giữ, sẽ được xem xét xử lý trong vụ án khác.

- 01 đĩa DVD ghi lại hình ảnh hiện trường, cần tiếp tục lưu giữ hồ sơ.

[10] Về quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật và tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo nên chấp nhận.

[11] **Về án phí sơ thẩm:**

Bị cáo **T** phải chịu: **5.265.000đ** án phí dân sự sơ thẩm và **200.000đ** án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo **D** phải chịu: **1.250.000đ** án phí dân sự sơ thẩm và **200.000đ** án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo **Tú A** phải chịu: **740.000đ** án phí dân sự sơ thẩm và **200.000đ** án phí hình sự sơ thẩm.

[12] **Về quyền kháng cáo:**

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: **Nguyễn Thanh T (T1)** phạm tội: "***Trộm cắp tài sản***".

Xử phạt: **Nguyễn Thanh T 04 (Bốn)** năm **06 (Sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án.

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: **Trần Văn D** phạm tội: "***Trộm cắp tài sản***".

Xử phạt: **Trần Văn D 01 (Một)** năm **06 (Sáu)** tháng tù.

Tổng hợp hình phạt **02** năm **06** tháng tù của Bản án số 54/HSST ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo Trần Văn D phải chấp hành **04 (Bốn)** năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày **15/4/2020**.

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: **Trần Tú A (Tú)** phạm tội: "***Trộm cắp tài sản***".

Xử phạt: **Trần Tú A 01 (Một)** năm **03 (Ba)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 584, 586, 589, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự.

2.1 Buộc bị cáo **Nguyễn Thanh T** và bị cáo **Trần Văn D** liên đới bồi thường cho anh **Phạm Thế L** số tiền: **25.000.000đ** (Hai mươi lăm triệu đồng).

2.2 Buộc bị cáo **Nguyễn Thanh T** và bị cáo **Trần Tú A** liên đới bồi thường cho anh **Lê Đặng Hồng K** số tiền: **14.800.000đ** (Mười bốn triệu tám trăm ngàn đồng).

2.3 Buộc bị cáo **Nguyễn Thanh T** bồi thường cho anh **Trang Hữu N** số tiền: **28.500.000đ** (Hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng).

2.4 Buộc bị cáo **Nguyễn Thanh T** bồi thường cho anh **Huỳnh Hữu T** số tiền: **37.000.000đ** (Ba mươi bảy triệu đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Căn cứ vào: Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tiếp tục lưu giữ hồ sơ: 01 đĩa DVD ghi lại hình ảnh hiện trường.

4. Về án phí sơ thẩm: căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí;

Bị cáo **Nguyễn Thanh T** phải chịu: **5.265.000đ** án phí dân sự sơ thẩm và **200.000đ** án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo **Trần Văn D** phải chịu: **1.250.000đ** án phí dân sự sơ thẩm và **200.000đ** án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo **Trần Tú A** phải chịu: **740.000đ** án phí dân sự sơ thẩm và **200.000đ** án phí hình sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết đối với bị hại và đương sự vắng mặt tại phiên tòa; bị cáo, bị hại và các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- VKSND Tp. Cần Thơ.
- Trại giam, Công an Q. C.
- Cơ quan Thi hành án.
- Bị cáo; đương sự.

Nguyễn Thị Thùy Trang